

Số: 03/2021/QĐ-CNHGT

Ba Bè, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH TẠI TOÀ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34, 35, 36 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải lập tại Toà án ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc các bên thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc "Ly hôn" giữa:

* Người khởi kiện: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: T, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.

* Người bị kiện: Chị **Tô Thị Y**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án cùng tài liệu kèm theo do Hoà giải viên chuyển sang Toà án;

XÉT THẤY:

Nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 27/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào có ý kiến khác về các nội dung đã thoả thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án giữa anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y với các nội dung cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 25/12/2013, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Khi ly hôn, anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y tự nguyện thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Lan P, sinh ngày 25/12/2013 cho chị Tô Thị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y có tài sản chung là nhà và đất tại T, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Cụ thể: Thửa đất số 176, tờ bản đồ 44 (BĐĐC), diện tích: 98,8m² (Trong đó đất ở đô thị - ODT, diện tích: 70m², đất bằng trồng cây hàng năm khác - BHK, diện tích: 28,8m²). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ cấp GCN: H 07237, QĐ số: 742/QĐ-UBND, ngày 29/3/2013, vị trí thửa đất tại tổ 13, phường Sông Cầu. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp III (02 tầng) xây dựng năm 2013.

Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y tự nguyện thỏa thuận về phân chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn, cụ thể như sau: Anh Nguyễn Đình T được quyền sử dụng thửa đất số 176, tờ bản đồ 44 (BĐĐC), diện tích: 98,8m² (Trong đó đất ở đô thị - ODT; diện tích: 70m², đất BHK, diện tích: 28,8m²) và sở hữu căn nhà xây cấp III (02 tầng) trên đất theo giấy phép xây dựng số: 82/GPXD ngày 01/4/2013.

Anh Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trích chia giá trị tài sản chênh lệch cho chị Tô Thị Y bằng một khoản tiền là: 250.000.000^d (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về vay nợ chung*: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T và chị Tô Thị Y thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- UBND phường S;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nguyên